

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI SẢN  
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 04 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: Ngày 07/05/2009

Đơn vị tính: VNĐ

| STT   | TÀI SẢN                              | KỶ BÁO CÁO<br>Tháng 04/2009 | KỶ TRƯỚC<br>Tháng 03/2009 |
|-------|--------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| 1     | Tiền                                 | 316,118,536,562             | 248,105,098,659           |
| 2     | Các khoản đầu tư                     | 1,343,098,455,028           | 1,267,944,553,866         |
| 2.1   | Trái phiếu                           | 337,753,053,124             | 328,671,852,138           |
| 2.2   | Cổ phiếu                             | 1,005,345,401,904           | 939,272,701,728           |
| 2.2.1 | CP niêm yết                          | 620,185,811,900             | 582,050,849,200           |
| 2.2.2 | CP chưa niêm yết                     | 385,159,590,004             | 357,221,852,528           |
| 3     | Cổ tức được nhận                     | 1,416,460,000               | 5,351,512,080             |
| 4     | Lãi được nhận                        | 20,455,901,252              | 17,916,858,122            |
| 4.1   | Lãi trái phiếu                       | 19,556,441,000              | 17,396,838,000            |
| 4.2   | Lãi TGNH                             | 899,460,252                 | 520,020,122               |
| 5     | Tiền bán chứng khoán chờ thu         | 3,506,400                   | 1,662,966,400             |
| 6     | Các khoản phải thu khác              |                             |                           |
| 7     | Các tài sản khác                     | 81,500,000,000              | 81,500,000,000            |
|       | TỔNG TÀI SẢN                         | 1,762,592,859,242           | 1,622,480,989,127         |
| STT   | NỢ                                   | KỶ BÁO CÁO<br>Tháng 04/2009 | KỶ TRƯỚC<br>Tháng 03/2009 |
| 8     | Tiền phải thanh toán mua chứng khoán | 1,091,008,000               | 1,173,674,000             |
| 9     | Các khoản phải trả khác              | 3,858,323,696               | 3,527,808,059             |
| 9.1   | Phí quản lý quỹ                      | 2,934,492,333               | 2,700,980,879             |
| 9.2   | Phí lưu ký, giám sát                 | 117,379,693                 | 108,039,235               |
| 9.3   | Thù lao BDD                          | 54,000,000                  | 54,000,000                |
| 9.4   | Phí môi giới CK                      | 210,568,704                 | 122,904,979               |
| 9.5   | Phí kiểm toán                        | 365,400,000                 | 365,400,000               |
| 9.6   | Phải trả khác                        | 176,482,966                 | 176,482,966               |
| 10    | Cổ tức phải trả cho nhà đầu tư VF1   |                             |                           |
|       | TỔNG NỢ                              | 4,949,331,696               | 4,701,482,059             |
|       | TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ                 | 1,757,643,527,546           | 1,617,779,507,068         |
| 11    | Tổng số đơn vị quỹ                   | 100,000,000                 | 100,000,000               |
| 12    | Giá trị của một đơn vị quỹ           | 17,576                      | 16,178                    |

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG  
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 04 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: Ngày 07/05/2009

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU                                                                                             | KỲ BÁO CÁO<br>Tháng 04/2009 | KỲ TRƯỚC<br>Tháng 03/2009 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| I   | Giá trị tài sản ròng đầu kỳ                                                                          | 1,617,779,507,068           | 1,547,998,469,577         |
| II  | Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ                                                 | 139,864,020,478             | 69,781,037,491            |
|     | Trong đó                                                                                             | -                           | -                         |
| 1   | Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ         | 139,864,020,478             | 69,781,037,491            |
| 2   | Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ | -                           | -                         |
| III | Giá trị tài sản ròng cuối kỳ                                                                         | 1,757,643,527,546           | 1,617,779,507,068         |
| IV  | Giá trị của một đơn vị Quỹ                                                                           | 17,576                      | 16,178                    |

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Người lập biểu

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**  
**CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**  
Tháng 04 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam  
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)  
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1  
4 Ngày lập báo cáo: Ngày 07/05/2009

| STT | CHỈ TIÊU                                                                            | KỲ BÁO CÁO<br>Tháng 04/2009 | KỲ TRƯỚC<br>Tháng 03/2009 | LŨY KẾ TỪ ĐẦU<br>NĂM 2009 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
|     |                                                                                     |                             |                           |                           |
| I   | Thu nhập từ hoạt động đầu tư                                                        | 7,358,974,310               | 8,255,190,305             | 24,403,772,338            |
| 1   | Cổ tức được nhận                                                                    | 3,528,943,000               | 4,812,832,080             | 9,736,947,880             |
| 2   | Lãi được nhận                                                                       | 3,830,027,310               | 3,442,358,225             | 14,666,820,158            |
| 2.1 | Lãi TGNH                                                                            | 1,670,424,310               | 1,210,792,225             | 6,028,469,158             |
| 2.2 | Lãi trái phiếu                                                                      | 2,159,603,000               | 2,231,566,000             | 8,638,351,000             |
| 3   | Thu nhập khác                                                                       | 4,000                       |                           | 4,300                     |
| II  | Chi phí                                                                             | 3,267,479,417               | 2,972,191,725             | 12,112,395,444            |
| 1   | Phí quản lý quỹ                                                                     | 2,934,492,333               | 2,700,980,879             | 11,014,700,058            |
| 2   | Phí lưu ký, giám sát                                                                | 117,379,693                 | 108,039,235               | 548,172,539               |
| 3   | Các loại chi phí khác                                                               | 215,607,391                 | 163,171,611               | 549,522,847               |
|     | Phí ngân hàng                                                                       | 6,072,435                   | 7,085,144                 | 26,566,884                |
|     | Thù lao Ban đại diện                                                                | 54,000,000                  | 54,000,000                | 216,000,000               |
|     | Phí môi giới bán CK                                                                 | 152,069,607                 | 94,519,817                | 275,923,964               |
|     | Phí quản lý niêm yết & lưu ký                                                       | 3,465,349                   | 7,566,650                 | 31,031,999                |
|     | Phí kiểm toán                                                                       |                             |                           |                           |
|     | Phí hợp Ban Đại Diện Quỹ VF1                                                        |                             |                           |                           |
|     | Chi phí khác                                                                        |                             |                           |                           |
| III | Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)                                            | 4,091,494,893               | 5,282,998,580             | 12,291,376,894            |
| IV  | Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư                                                        | 135,772,525,585             | 64,498,038,911            | 48,380,107,304            |
| 1   | Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư                                      | (11,570,172,893)            | (18,094,320,633)          | (31,870,024,627)          |
| 2   | Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ                                   | 147,342,698,478             | 82,592,359,544            | 80,250,131,931            |
| 3   | Ghi nhận quyền phát hành thêm cp                                                    |                             |                           |                           |
| V   | Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV) | 139,864,020,478             | 69,781,037,491            | 60,671,484,198            |

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM